

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 30/06/2022

Hà Nội, tháng 07 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Phòng 302 tầng 3, Tháp Tây chung cư thuộc dự án nhà ở cán bộ Học viện Quốc Phòng, P.Xuân La, Q.
Tây Hồ, TP Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I/2022	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	06 - 07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Phòng 302 tầng 3, Tháp Tây chung cư thuộc dự án nhà ở cán bộ Học viện Quốc Phòng, P.Xuân La, Q. Tây Hồ, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần VINAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Các Công ty con cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 30/06/2022.

Khái quát

Công ty Cổ phần VINAM tiền thân là Công ty CP Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 ngày 14/02/2007. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 17 ngày 26/08/2021 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động bảo vệ môi trường; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn thực phẩm đồ uống và đồ dùng gia đình; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông; Bán buôn vải, hàng may mặc; Hoạt động của các phòng khám Đa khoa, chuyên khoa và nha khoa; Sản xuất thiết bị dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện....

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng 302 tầng 3, Tháp Tây chung cư thuộc dự án nhà ở cán bộ Học viện Quốc Phòng, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 30/06/2022, Công ty Cổ Phần Vinam đã công bố nghị quyết số 3006/2022/NQ-HDQT về việc thay đổi Giám đốc và Kế toán trưởng nhưng do thủ tục làm đăng ký kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc khách quan dẫn đến chưa được cấp đăng ký kinh doanh mới.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Takishita Akira	Chủ tịch	Từ 27/05/2019
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	Từ ngày 22/06/2022
Ông Đặng Việt Thắng	Thành viên	Từ ngày 22/06/2022

Các thành viên của Ban Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Việt Thắng	Giám đốc	Từ 01/07/2022
---------------------	----------	---------------

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thương	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Tâm	Thành viên
Bà Trần Thị Duyên	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Phòng 302 tầng 3, Tháp Tây chung cư thuộc dự án nhà ở cán bộ Học viện Quốc Phòng, P.Xuân La, Q. Tây Hồ, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 04 đến trang 25, và cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 03 năm 2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đặng Việt Thắng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		260.714.263.435	262.025.538.504
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.190.431.013	8.646.594.565
1. Tiền	111		7.190.431.013	8.646.594.565
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	39.713	39.713
1. Chứng khoán kinh doanh	121		35.799.713	35.799.713
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(35.760.000)	(35.760.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		157.826.283.683	183.738.883.542
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	32.805.005.934	28.779.680.301
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	124.972.150.515	154.812.217.543
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a		-
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	49.127.234	146.985.698
IV. Hàng tồn kho	140		94.005.319.093	69.042.052.578
1. Hàng tồn kho	141	V.6	94.005.319.093	69.042.052.578
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.692.189.933	597.968.106
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		78.946.811	135.022.571
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.612.243.122	462.945.535
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.000.000	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.716.967.400	30.249.778.558
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	-	-
II. Tài sản cố định	220		21.025.789.003	10.782.474.828
1. Tài sản cố định hữu hình	221		12.555.789.004	1.542.474.828
<i>Nguyên giá</i>	222		12.767.422.606	1.594.243.296
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(211.633.602)	(51.768.468)
2. Tài sản cố định vô hình	227		8.469.999.999	9.240.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		9.240.000.000	9.240.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(770.000.001)	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		23.839.401.774	17.439.129.047
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		23.839.401.774	17.439.129.047
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.851.776.623	2.028.174.683
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	1.851.776.623	2.028.174.683
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		307.431.230.835	292.275.317.062

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.762.289.583	6.708.347.032
I. Nợ ngắn hạn	310		12.762.289.583	6.708.347.032
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	9.336.242.820	4.079.460.396
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	1.054.868.180	1.014.721.501
4. Phải trả người lao động	314		819.507.314	687.388.340
5. Chi phí phải trả ngắn hạn khác	315	V.11	-	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		630.328.313	155.433.839
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		350.000.000	200.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		526.250.000	526.250.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.092.956	45.092.956
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.12	-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		294.668.941.252	285.566.970.030
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	294.668.941.252	285.566.970.030
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		197.999.940.000	197.999.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		197.999.940.000	197.999.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.918.962.963	18.956.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		195.900.595	195.900.595
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		66.083.143.162	57.839.226.671
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		57.839.226.671	36.281.308.683
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.243.916.491	21.557.917.988
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11.470.994.532	10.575.902.764
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		307.431.230.835	292.275.317.062

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng



Ngô Minh Hằng

Giám đốc



Đặng Việt Thắng

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Phòng 302 tầng 3, Tháp Tây CC thuộc DA nhà ở Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/06/2022
 CB HVQP, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, TP Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2022	Quý II/2021	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	14.450.168.150	25.894.668.972	23.217.518.979	40.474.992.795
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		28.668.986	-	80.924.281	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		14.421.499.164	25.894.668.972	23.136.594.698	40.474.992.795
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.726.997.787	19.588.064.058	10.053.292.184	31.829.718.323
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.694.501.377	6.306.604.914	13.083.302.514	8.645.274.472
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	20.589.112	12.658.790	20.947.926	455.581.254
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.506.295	1.224.901.912	18.259.720	1.447.861.972
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Phần lãi, lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	370.592.407	23.038.730	370.592.407	30.511.457
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	2.542.668.953	1.706.214.760	4.150.872.515	2.745.700.631
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.789.322.834	3.365.108.302	8.564.525.798	4.876.781.666
12. Thu nhập khác	31	VI.6	497.086		30.497.086	3.022.840
13. Chi phí khác	32	VI.7	6.614.195	7.575.764	66.332.363	12.291.924
14. Lợi nhuận khác	40		(6.117.109)	(7.575.764)	(35.835.277)	(9.269.084)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.783.205.725	3.357.532.538	8.528.690.521	4.867.512.582
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		287.355.247	452.594.444	419.682.262	554.156.572
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.495.850.478	2.904.938.094	8.109.008.259	4.313.356.010
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		6.591.669.049	1.707.911.952	8.243.916.491	3.114.742.192

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Phòng 302 tầng 3, Tháp Tây CC thuộc DA nhà ở Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/06/2022
 CB HVQP, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, TP Hà Nội

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2022	Quý II/2021	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
20. Lợi nhuận sau thuế cô đọng không kiểm soát	62		95.818.571	1.197.026.142	134.908.232	1.198.613.818
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	328	147	410	218
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8				

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Giám đốc



Phạm Thị Bích Liên

Ngô Minh Hằng

Đặng Việt Thắng

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2022.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		22.864.063.786	74.579.774.156
2. Tiền chi trả cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(76.869.866.181)	(228.613.324.018)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.234.934.504)	(1.579.590.352)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(5.753.425)	
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(381.063.910)	(947.208.664)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		76.794.833.496	53.741.273.860
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(22.797.375.206)	(10.715.309.216)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.630.095.944)	(113.534.384.234)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(74.656.650)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(61.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	56.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.700.000.000)	7.518.000.000
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.028.589.042	2.037.712.330
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		1.253.932.392	4.555.712.330

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		11.770.000.000	120.482.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		401.330.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(12.251.330.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(80.000.000)	120.482.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.456.163.552)	11.503.328.096
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.646.594.565	15.393.163.476
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		7.190.431.013	26.896.491.572

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng



Ngô Minh Hằng

Giám đốc



Đặng Việt Thắng

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 31/03/2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần VINAM tiền thân là Công ty CP Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 ngày 14/02/2007. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 16 ngày 08/02/2021 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty trên báo cáo tại thời điểm công bố báo cáo này vốn điều lệ của công ty là 197.999.940.000 đồng, được chia làm 19.799.994 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng 302 tầng 3, Tháp Tây chung cư thuộc dự án nhà ở cán bộ Học viện Quốc phòng, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động bảo vệ môi trường; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn thực phẩm đồ uống và đồ dùng gia đình; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông; Bán buôn vải, hàng may mặc; Hoạt động của các phòng khám Đa khoa, chuyên khoa và nha khoa; Sản xuất thiết bị dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng ; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện....

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : 12 tháng

5. Cấu trúc tập đoàn

Tổng số các Công ty con : 07

Số lượng Các Công ty con được hợp nhất: 07

Số lượng Các Công ty con không được hợp nhất: 0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

Tên	Ngành hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Y học	Bán máy móc thiết bị, nông lâm sản; hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế..	4.800.000.000	100%
Công ty cổ phần Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hạ Long Tokyo	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.	18.428.000.000	99%
Công ty TNHH Vinam Vũng Áng	Hoạt động chính là kinh doanh thương mại, dịch vụ, kinh doanh chế biến bảo quản thực phẩm.	20.000.000.000	100%
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.	30.000.000.000	70%
Công ty cổ phần công nghệ cao G7	Hoạt động chính là sản xuất kinh doanh chế biến thuốc dược phẩm thực phẩm chức năng các loại.	50.000.000.000	99%
Công ty cổ phần phòng khám Ba Đình	Hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	5.000.000.000	98%
Công ty cổ phần sản xuất phần mềm Vinam	Sản xuất phần mềm, lập trình máy tính	30.000.000.000	98%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con:

Các công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các công ty liên kết và liên doanh

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà tập đoàn có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Công ty trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi các đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của Công ty, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của công ty vượt quá khoản đầu tư của công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho các đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày Công ty mẹ đạt quyền kiểm soát được trình bày như một loại tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 10 năm. Trường hợp giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất trong năm cao hơn giá trị phân bổ hàng năm thì thực hiện phân bổ theo giá trị tổn thất

Khi thoái vốn khỏi Công ty con thì giá trị khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi giảm tương ứng với tỷ lệ vốn thoái và tính vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán trong trường hợp Công ty mẹ vẫn nắm quyền kiểm soát Công ty con hoặc được ghi giảm toàn bộ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong trường hợp Công ty mẹ hết quyền kiểm soát tại Công ty con.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với tiền tệ sử dụng trong kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh, trên cơ sở sau:

- Các khoản nợ phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán
- Các khoản nợ phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ như tài sản (tiền, phải thu và tài sản tiền tệ khác) và công nợ (vay, phải trả và công nợ khác) được quy đổi theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại mà Công ty có tài khoản tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm : tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. Khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được trích lập theo qui định hiện hành

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, và thu tiền.

Các khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi

CÔNG TY CP VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Phòng 302 tầng 3, Tháp Tây CC thuộc DA nhà ở CB HVQP, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 30/06/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**2. Các khoản đầu tư tài chính****Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tổng giá trị cổ phiếu	35.799.713	39.713	35.799.713	39.713
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang (5.000.000 CP)	35.799.713	39.713	35.799.713	39.713

(*) Theo quy định tại thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư với Công ty niêm yết tại thời điểm 30/06/2020. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Omega Việt Nam	2.230.863.767		2.230.863.767	3.605.499.480
Công ty thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyễn	6.297.994.500		6.297.994.500	15.157.994.500
Công ty CP Trang Thiết Bị Y Tế Phương Nam	10.735.939.631		10.735.939.631	7.594.329.903
Công ty TNHH Thiết bị y học Nhật	1.774.680.000		1.774.680.000	
Công ty TNHH Thương mại AT&T	2.077.011.115		2.077.011.115	
Các khoản phải thu khách hàng khác	9.688.516.921		9.688.516.921	2.421.856.418
Cộng	32.805.005.934		32.805.005.934	28.779.680.301

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên	29.747.292.543	29.747.292.543
Công ty TNHH Công trình và thiết bị Kỹ thuật Miền Nam	38.650.000.000	38.650.000.000
Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản	22.188.438.356	8.500.000.000
Công ty TNHH Môi trường y tế Công nghệ cao	30.875.000.000	53.875.000.000
Công ty TNHH Thiết bị Y học Nhật HOYO CO.,LTD	3.237.970.176	23.500.000.000
Đối tượng khác	273.449.440	539.925.000
Cộng	124.972.150.515	154.812.217.543

5. Phải thu khác

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia		
Phải thu cho vay ngắn hạn		
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	15.000.000	
Tạm ứng	16.922.309	114.365.000
Phải thu khác	17.204.925	32.620.698
Cộng	49.127.234	146.985.698
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	-	-
Cộng	-	-

6. Hàng tồn kho

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	111.699.852	248.287.452
Hàng hóa	93.893.619.241	68.793.765.126
Cộng	94.005.319.093	69.042.052.578

7. Chi phí trả trước

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí khác	78.946.811	135.022.571
Cộng	78.946.811	135.022.571

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b. Dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn khác	1.851.776.623	2.028.174.683
Cộng	1.851.776.623	2.028.174.683

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Lắp đặt hệ thống Pacs BV An Giang	2.845.162.035	2.845.162.035
Lắp đặt hệ thống Pacs BV Tân Châu	6.090.503.830	6.090.503.830
Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng khám Thanh Sơn	4.601.272.727	4.601.272.727
Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng khám Ba Đình	3.454.662.273	3.454.662.273
Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng khám Nguyễn Thái Sơn	6.400.272.727	-
Mua sắm tài sản cố định khác	447.528.182	447.528.182
Cộng	23.839.401.774	17.439.129.047

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Leopard	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH Thương mại AT&T	645.449.359	645.449.359	1.632.420.359	1.632.420.359
Công ty TNHH Thực phẩm chế biến Mitraco	1.231.545.454	1.231.545.454	1.150.000.000	1.150.000.000
Công ty TNHH TMQT Cysina Việt pháp	578.149.500	578.149.500	357.714.300	357.714.300
Công ty CP ĐT BV Việt Mỹ	1.520.000.000	1.520.000.000	173.912.130	173.912.130
Công ty CP Sara Việt Nam	650.388.900	650.388.900	-	-
JWB CO.,LTD	2.184.385.000	2.184.385.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	2.476.324.607	2.476.324.607	715.413.607	715.413.607
Cộng	9.336.242.820	9.336.242.820	4.079.460.396	4.079.460.396

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2022
	VND			VND
Thuế phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.055.177	1.019.155.796	969.528.512	52.682.461
Thuế thu nhập DN	886.751.770	419.682.262	381.063.910	925.370.122
Thuế thu nhập cá nhân	124.914.554	87.644.736	135.743.693	76.815.597
Thuế xuất nhập khẩu	-	264.423.750	264.423.750	-
Thuế khác	-	35.000.000	35.000.000	-
Cộng	1.014.721.501	1.825.906.544	1.785.759.865	1.054.868.180

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Phải trả khác ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả khác	630.328.313	155.433.869
Cộng	630.328.313	155.433.839

12. Dự phòng phải trả dài hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dự phòng bảo hành, bảo trì sản phẩm hàng hóa	-	-
Dự phòng bảo hành, bảo trì công trình lắp đặt	-	-
Cộng	-	-

13. Vốn chủ sở hữu

a Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2022	%	01/01/2022	%
	VND		VND	
Vốn góp của các cá nhân	197.999.940.000	100	197.999.940.000	100
Cộng	197.999.940.000	100	197.999.940.000	100

b Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Vốn góp đầu năm	197.999.940.000	115.499.940.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	82.500.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối năm	197.999.940.000	197.999.940.000

c Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.799.994	19.799.994
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.799.994	19.799.994
- Cổ phiếu phổ thông	19.799.994	19.799.994
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.799.994	19.799.994
- Cổ phiếu phổ thông	19.799.994	19.799.994
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/cp		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	14.450.168.150	25.894.668.972
Cộng	14.450.168.150	25.894.668.972

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng hóa đã bán	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	4.726.997.787	19.588.064.058
Cộng	4.726.997.787	19.588.064.058

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay Lãi chênh lệch tỷ giá Cổ tức, lợi nhuận được chia Lãi bán cổ phiếu	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.589.112	12.658.790
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi bán cổ phiếu	-	-
Cộng	20.589.112	12.658.790

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 VND
Lãi tiền vay		
Chênh lệch tỷ giá		-
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	12.506.295	1.224.901.912
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	12.506.295	1.224.901.912

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 VND
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí bán hàng	370.592.407	23.038.730
Cộng	370.592.407	23.038.730
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	1.127.952.342	860.115.939
Thuế, phí và lệ phí	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	755.015.456	835.178.553
Chi phí khác	659.701.155	10.920.268
Cộng	2.542.668.953	1.706.214.760

6. Thu nhập khác

	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 VND
Thu nhập khác	497.086	296
Cộng	497.086	296

7. Chi phí khác

	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí khác	6.614.195	7.575.764
Cộng	6.614.195	7.575.764

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cộng	6.614.195	7.575.764
8. Lãi trên cổ phiếu	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Quý khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	6.495.850.478	2.904.938.094
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	19.799.994	19.454.690
Lãi trên cổ phiếu	328	149

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán và số liệu cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 do Công ty tự lập.

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng

Ngô Minh Hằng

Giám đốc



Đặng Việt Thắng

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2022